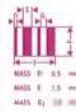


File Information		Mandatory In	
Issue date of ID:	30 JUN 2011	CD - Freely	Yes/No
PPM S43	M22120	Re - Yes	Yes/No
PPM S43 version	001	Re - Yes	Yes/No
Transmittal network	2014/07/2011	Re - Yes	Yes/No
Print order:	0x05	Pay - 118	Yes/No
		Pay - 118	Yes/No
Mail No. Pack. Size	400303		Yes/No
Legend case version	V3.0.03.03/03/2010 (follows do not change or remove it)		
Job	03/03/14 7 09393 03		
<b>Technical Information</b>			
4 - Batch No.	3 - Expiry date		
1 - Manufacturing date	4 - Print/Stamp/Color		
<b>Technical notes</b>			
01 - Front/Agreement	02 - Free size	03 - Language/Box	
04 - Order	05 - Function/switch	06 - End/switch	
07 - End/switch	08 - End/switch	09 - End/switch	
10 - End/switch	11 - End/switch	12 - End/switch	
<b>Additional Requirements of Packaging etc</b>			
Dimension: 129 x 65 x 113 mm			



DNNK

Director of Applicant  
H.S. Lu Phong

05.02.2013



**Boehringer  
Ingelheim**

Boehringer Ingelheim International GmbH

**Phosphalugel®**  
Colloidal aluminium phosphate

26 sachets



Boehringer  
Ingelheim

Sachet No. 1/12  
Exp. date: 12/13  
Mfg. date: 01/13

**Phosphalugel®**  
Colloidal aluminium phosphate  
26 sachets

**SPEC. WHOXXXXXX**

Được kê hướng dẫn sử dụng trong khi dùng.  
Đã sa thải và sa an.  
Hộp 26 gói, mỗi gói 20 g hỗn hợp chứa 12,280 g aluminium phosphate cũng gel 20%.  
Chỉ định: chống axit dạ dày và các triệu chứng khác: ăn uống kém, đau dạ dày.

BỘ Y TẾ  
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC  
**ĐÃ PHÊ DUYỆT**

Lần đầu: *ĐH/10/13 (01/11/13)*

*20/1/13*

**Phosphalugel®**  
Colloidal aluminium phosphate



Read carefully the leaflet before use.  
Keep out of the reach of children.  
Store below 30°C.  
Indications, contra-indications and other information: see enclosed leaflet.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.  
Giữ xa tầm tay trẻ em.  
Bảo quản dưới 30°C.  
Chỉ định, chống chỉ định và các thông tin khác: xin xem tờ hướng dẫn sử dụng.

Composition per 20 g sachet per 100 g  
30% colloidal aluminium phosphate gel 12,36 g 61,800 g

Boehringer Ingelheim

Pharmalis France

**Phosphalugel®**  
Colloidal aluminium phosphate



Read carefully the leaflet before use.  
Keep out of the reach of children.  
Store below 30°C.  
Indications, contra-indications and other information: see enclosed leaflet.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.  
Giữ xa tầm tay trẻ em.  
Bảo quản dưới 30°C.  
Chỉ định, chống chỉ định và các thông tin khác: xin xem tờ hướng dẫn sử dụng.

Composition per 20 g sachet per 100 g  
30% colloidal aluminium phosphate gel 12,36 g 61,800 g

Boehringer Ingelheim

Pharmalis France



400078



40305

File information		Mandatory in	
		TD	Pharm
Invoice Reference ID:	04_SEF_2017	Yes	Yes
PPM Size:	P022491	Ris	Yes
PPM Size version:	-027	Ris	Yes
Issue date of a remark:	04 JAN 2017	Ris	Yes
Plant code:	PAR BRN	Ris	Yes
	PAR 414		
Max. No. Pack. Size:	603228	Ris	Yes
Legal reservation:	V3 0 61/AUM/2017 (pharmacovigilance)		



MASS D 0.1 1000  
MASS E 1.5 1000  
MASS G 1.0 1000

Example  
Technical information  
control code

Technical information	
3 - Name:	P - Exporte 2016
3 - Marketing name:	P - Phos/Phosphalugel
Technical code:	
3 - Date of Registration:	04 JAN 2017

Additional Requirements of Packaging size	
Dispensation:	300x415 mm

**Phosphalugel®**  
Colloidal aluminium phosphate



Composition per 20 g sachet per 100 g  
20% colloidal aluminium phosphate gel 17.38 g 41.800 g

Đặc biệt: dd.mm.yyyy  
Đặc biệt: dd.mm.yyyy

Read carefully the leaflet before use.  
Keep out of the reach of children.  
Store below 30°C.  
Indications, contra-indications and other information: see enclosed leaflet.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.  
Đã ra tầm tay trẻ em.  
Bảo quản dưới 30°C.  
Chỉ định, chống chỉ định và các thông tin khác: xin xem tờ hướng dẫn sử dụng.

Pharmax S.R.L.  
Aix les Bains nước Pháp  
Pharmax S.R.L.  
France

**Phosphalugel®**  
Colloidal aluminium phosphate



Composition per 20 g sachet per 100 g  
20% colloidal aluminium phosphate gel 17.38 g 41.800 g

Đặc biệt: dd.mm.yyyy  
Đặc biệt: dd.mm.yyyy

Read carefully the leaflet before use.  
Keep out of the reach of children.  
Store below 30°C.  
Indications, contra-indications and other information: see enclosed leaflet.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.  
Đã ra tầm tay trẻ em.  
Bảo quản dưới 30°C.  
Chỉ định, chống chỉ định và các thông tin khác: xin xem tờ hướng dẫn sử dụng.

Pharmax S.R.L.  
Aix les Bains nước Pháp  
Pharmax S.R.L.  
France



403028



403028

Director of Applicant

Ms. Lu Bihang

05.02.2015

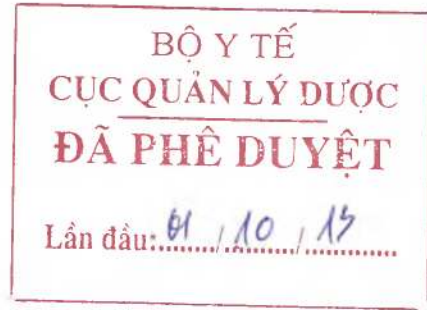


**Boehringer  
Ingelheim**

Boehringer Ingelheim International GmbH

## Phosphalugel®

Hỗn dịch để uống trong gói đơn liều



### Thành phần

Mỗi gói chứa: Colloidal aluminium phosphate gel 20%: 12,380 g.

Tá dược: Calcium sulphate dihydrate, pectin, agar 800, hương cam, potassium sorbate, dung dịch sorbitol (không tinh thể), nước tinh khiết vừa đủ để tạo thành gói 20 g.

Phosphalugel không chứa sucrose (đường).

### Chỉ định

Phosphalugel là một thuốc kháng axit. Nó làm giảm độ axit của dạ dày.

Thuốc được sử dụng để điều trị cơn đau, bỏng rát và tình trạng khó chịu do axit gây ra ở dạ dày hoặc thực quản.

### Liều lượng

Liều thông thường 1 đến 2 gói uống 2 đến 3 lần mỗi ngày.

Nên uống thuốc khi xuất hiện cơn đau hoặc theo hướng dẫn của bác sĩ.

Dùng đường uống.

### Thời gian điều trị

Dùng hơn 6 gói mỗi ngày thường không đem lại lợi ích gì thêm. Nếu triệu chứng không giảm với liều dùng 6 gói mỗi ngày thì nên hỏi ý kiến bác sĩ.

### Chống chỉ định

Không dùng Phosphalugel dạng hỗn dịch uống nếu:

- nếu bạn quá mẫn (dị ứng) với aluminium phosphate hoặc với bất kỳ thành phần nào của Phosphalugel.
- nếu bạn bị bệnh thận nặng;

### Cảnh báo đặc biệt

Bệnh nhân mắc bệnh di truyền hiếm gặp không dung nạp fructose thì không nên dùng thuốc này.

Thuốc này chứa sorbitol nên có thể gây ảnh hưởng nhẹ trên đường tiêu hóa (tiêu chảy).

Giá trị calo của sorbitol là 2,6 kcal/g.

Hỏi ý kiến bác sĩ nếu các triệu chứng không hết sau 7 ngày. Hỏi ý kiến bác sĩ ngay nếu đau kèm theo sốt hoặc nôn.

### Tương tác

Thuốc kháng axit có thể LÀM GIẢM tác dụng của nhiều thuốc khác.





Hãy thông báo cho bác sĩ hoặc dược sĩ những thuốc bạn đang sử dụng.

Nên thận trọng không uống thuốc kháng axit cùng lúc với thuốc khác. Nên uống các thuốc khác riêng biệt với thuốc kháng axit (ví dụ uống trước đó 2 giờ).

#### **Ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc**

Không có báo cáo.

#### **Tác dụng phụ có thể xảy ra**

Cũng như tất cả các thuốc, Phosphalugel dạng hỗn dịch uống có thể gây tác dụng phụ mặc dù không phải ai cũng gặp phải.

Các tác dụng phụ có thể gặp:

- Táo bón

Hãy báo cho bác sĩ hoặc dược sĩ nếu bất kỳ tác dụng phụ nào trở nên trầm trọng hoặc nếu bạn bị bất kỳ tác dụng phụ nào mà không được nêu trong tờ hướng dẫn này.

*Hãy thông báo cho bác sĩ những tác dụng phụ gặp phải trong thời gian dùng thuốc.*

#### **Thai kỳ và cho con bú**

Nên sử dụng thuốc thận trọng trong thời gian mang thai và cho con bú.

Hãy hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ trước khi bạn dùng thuốc.

#### **Quá liều**

Uống nhiều thuốc có thể gây táo bón hoặc thậm chí tắc ruột. Quá liều thường gây ảnh hưởng trên những bệnh nhân suy chức năng thận.

#### **Bảo quản**

Dưới 30°C.

#### **Hạn dùng**

36 tháng kể từ ngày sản xuất.

#### **Quy cách đóng gói**

Gói đơn liều hỗn dịch để uống; hộp 26 gói, mỗi gói 20g.

#### **Sản xuất bởi**

Pharmatis

ZA Est n° 1, 60190 Estrées-Saint-Denis

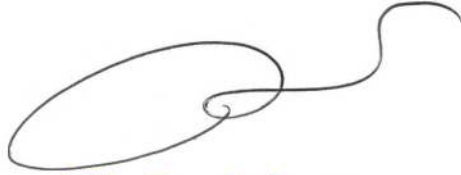
Pháp



PHÓ CỤC TRƯỞNG  
*Nguyễn Văn Thanh*

er  
n  
heim Interna

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.  
Hỏi ý kiến bác sĩ nếu cần thêm thông tin.  
Thuốc bán theo đơn bác sĩ.



**Boehringer  
Ingelheim**

Boehringer Ingelheim International GmbH

Director of Applicant

Lu Bihong.

03 Jul 2013

ĐƯỢC